**BÁO CÁO**

**MÔN HỌC: KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP**

**CHỦ ĐỀ: TÌM HIỂU GIT VÀ GITHUB**

GVHD: Thái Huy Tân

Ngày báo cáo: 13/9/2024

1. **Thông tin chung**

Lớp: SS004.P14

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | MSSV | Email |
| 1 | Phạm Lê Đăng Kha | 23520669 | [23520669@gm.uit.edu.vn](mailto:23520669@gm.uit.edu.vn) |
| 2 | Phan Cảnh Đăng Huân | 23520552 | [23520552@gm.uit.edu.vn](mailto:23520552@gm.uit.edu.vn) |
| 3 | Võ Duy Hiếu | 23520498 | [23520498@gm.uit.edu.vn](mailto:23520498@gm.uit.edu.vn) |
| 4 | Hồng Huy Hoàng | 23520517 | [23520517@gm.uit.edu.vn](mailto:23520517@gm.uit.edu.vn) |

DANH SÁCH HÌNH ẢNH





Nguồn: https://education.github.com/git-cheat-sheet-education.pdf

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: Giới thiệu về Git và GitHub

CHƯƠNG 2: Các lệnh cơ bản về Git

CHƯƠNG 3: Tổng kết

Chương 1:

**Chương 2: Các tập lệnh cơ bản**

1. **SETUP & INIT**



1. Git init:

Mô tả: Khởi tạo một thư mục hiện có thành một repository Git.

Tác dụng: Khi muốn bắt đầu theo dõi lịch sử của các tệp trong thư mục, lệnh này sẽ tạo một repository Git mới trong thư mục đó. Nó sẽ tạo một thư mục ẩn .git để lưu trữ toàn bộ lịch sử của repository.

1. Git clone [url]:

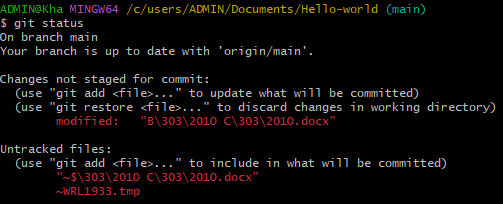
Mô tả: sao chép toàn bộ repository thông qua URL.

Tác dụng: Tải xuống một bản sao của repository Git từ URL về máy, bao gồm toàn bộ lịch sử commit và các nhánh (branch).

1. **STAGE & SNAPSHOT**



1. Git status:



Mô tả: Hiển thị trạng thái của các tệp trong thư mục đang làm việc, cho biết tệp nào đã được sửa đổi, thêm mới hoặc xóa, và những tệp nào trong khu vực staging (để chuẩn bị cho lần commit kế tiếp)

Tác dụng: Kiểm tra trạng thái của tệp trước khi commit, để chắc chắn những thay đổi đều được đưa vào đúng cách.

1. Git add [file]:

Mô tả: Thêm tệp được chỉ định vào khu vực staging.

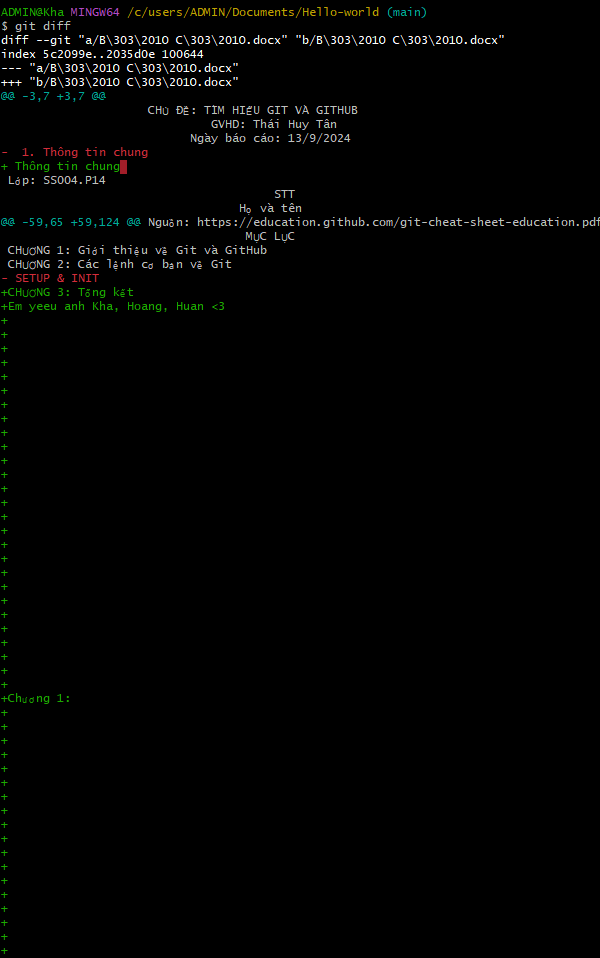
Tác dụng : Đưa các thay đổi từ thư mục đang làm việc vào khu vực staging. Nếu muốn commit các thay đổi cho một tệp phải sử dụng lệnh này trước.

1. Git reset [file]:

Mô tả : Gỡ bỏ tệp ra khỏi khu vực staging nhưng vẫn giữ lại các thay đổi trong thư mục làm việc.

Tác dụng : Nếu thêm nhầm tệp vào khu vực staging, lệnh này giúp gỡ bỏ nó khỏi danh sách mà không xóa nội dung tệp.

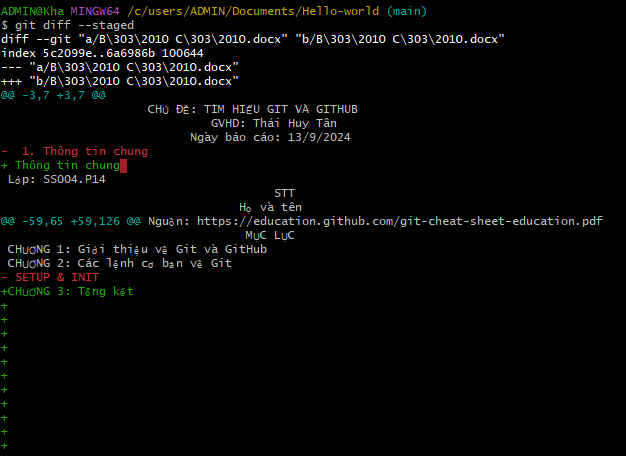
1. Git diff:



Mô tả : Hiện thị các thay đổi giữa nội dung trong thư mục làm việc và tệp trong khu vực staging.

Tác dụng : Xem sự khác biệt giữa tệp đã được chỉnh sửa và tệp chưa được đưa vào staging.

1. Git diff --staged:



Mô tả : Xem sự khác biệt giữa tệp đã ở khu vực staging và phiên bản cuối cùng đã commit.

Tác dụng : Xem các thay đổi đã sẵn sàng để commit.

1. Git commit -m [descriptive message]:

Mô tả : Tạo một bản commit với thông điệp miêu tả các thay đổi.

Tác dụng : Lưu các thay đổi đã ở trong khu vực staging vào lịch sử của Git kèm theo thông điệp giải thích.

1. **BRANCH & MERGE**



1. Git branch:

Mô tả : Liệt kê các nhánh trong repository. Một dấu \* sẽ xuất hiện bên cạnh nhánh hiện đang hoạt động.

Tác dụng : Cho biết tất cả các nhánh hiện có và xác định nhánh nào đang được sử dụng.

1. Git branch [branch-name]:

Mô tả: Tạo một nhánh mới tại commit hiện tại với tên được chỉ định.

Tác dụng: Tạo một nhánh riêng biệt để làm việc độc lập mà không ảnh hưởng đến nhánh chính.

1. Git checkout:

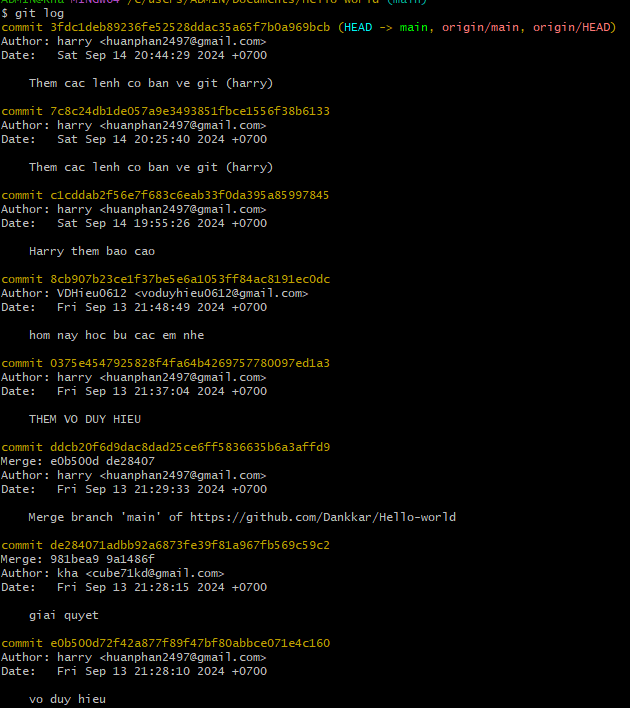
Mô tả: Chuyển sang một nhánh khác và kiểm tra nội dung của nó vào thư mục làm việc.

Tác dụng: Dùng để chuyển giữa các nhánh và làm việc trên các nhánh khác nhau mà không ảnh hưởng đến nhánh hiện tại.

1. Git merge [branch]:

Mô tả: Gộp lịch sử của nhánh được chỉ định vào nhánh hiện tại.

Tác dụng: Khi đã hoàn thành công việc trên một nhánh riêng biệt, lệnh này sẽ hợp nhất cac thay đổi của nhánh đó vào nhánh hiện tại.

1. Git log:

Mô tả: Hiển thị toàn bộ các commit trong lịch sử của nhánh hiện tại.

Tác dụng: Xem lại lịch sử các lần commit trên nhánh đang làm việc.